

Số: 211 /HD-SLĐTBXH

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 17/UBND-KGVX ngày 05/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2021/HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố;

Sau khi thống nhất với các Sở, ngành liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hướng dẫn xác định đối tượng được hưởng chính sách theo quy định của Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố.

- Thống nhất trình tự thực hiện hỗ trợ đảm bảo đơn giản, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Yêu cầu

- Hỗ trợ các hộ gia đình, thành viên hộ gia đình thuộc diện: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình sau khi thoát nghèo, hộ gia đình sau khi thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống, nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, phấn đấu đến cuối năm 2025, Thành phố cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tập trung hỗ trợ các đối tượng: trẻ em, người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo.

- Nguyên tắc thực hiện: thực hiện chính sách kịp thời, công bằng, không gây phiền hà, không phát sinh thủ tục hành chính.

II. ĐỐI TƯỢNG

Đối tượng được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong hướng dẫn này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo: được xác định theo chuẩn quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

2. Độ tuổi lao động: từ đủ 15 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

3. Người cao tuổi cô đơn là người từ đủ 60 tuổi trở lên, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

4. Người khuyết tật đặc biệt nặng được xác định theo quy định của Luật Người khuyết tật và các văn bản liên quan.

5. Người mắc bệnh hiểm nghèo là người mắc một trong các bệnh: HIV/AIDS, ung thư, suy thận mạn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế; có giấy tờ chứng minh về bệnh của cơ sở y tế cấp huyện trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

6. Người cao tuổi không có khả năng tự phục vụ bản thân là người không thể tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

IV. CHÍNH SÁCH

1. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

1.1. Hỗ trợ hàng tháng đối với: trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo

a) *Điều kiện hỗ trợ*: Người đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Là một trong những đối tượng sau: trẻ em dưới 15 tuổi, người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

- Là thành viên thuộc: hộ nghèo, hoặc hộ cận nghèo, hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; được UBND cấp xã quyết định công nhận.

- Trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi đang học văn hóa, học nghề (*kể cả học sinh đang học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*).

b) *Mức hỗ trợ*: Theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND, cụ thể:

- 2.500.000 đồng/người/tháng đối với người đăng ký thường trú và hiện sinh sống tại khu vực thành thị (*các phường, thị trấn*).

- 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người đăng ký thường trú và hiện sinh sống tại khu vực nông thôn (*các xã*).

1.2. Hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân

a) *Điều kiện hỗ trợ*: Là người đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Là người từ đủ 60 tuổi trở lên.
- Là thành viên thuộc hộ nghèo.
- Không có khả năng tự phục vụ bản thân.

b) *Mức hỗ trợ*: theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND.

1.3. Thời gian áp dụng

a) *Thời gian áp dụng*: Tối đa đến hết tháng 12/2025 hoặc đến khi người hưởng không đảm bảo đủ điều kiện được hỗ trợ.

b) *Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ*: Kể từ thời điểm ghi trong Quyết định của UBND cấp huyện.

1.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của xã, phường, thị trấn đang quản lý, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hướng dẫn các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ viết Giấy đề nghị hỗ trợ và nộp bản phô tô giấy tờ chứng minh về bệnh (*nếu là người mắc bệnh hiểm nghèo*).

- Bước 2: Căn cứ Giấy đề nghị, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoàn thiện danh sách các hộ đề nghị hưởng chính sách kèm theo Giấy đề nghị, gửi Cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã. Danh sách phải thể hiện rõ tình trạng của từng thành viên trong hộ.

- Bước 3: Cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ đang quản lý về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức xét duyệt từng trường hợp. Lập biên bản, kèm theo danh sách những người đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định và Giấy đề nghị của đối tượng. Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại UBND cấp xã, 01 bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

- Bước 4: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định, đối chiếu với dữ liệu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trình UBND cấp huyện ra Quyết định hỗ trợ.

- Bước 5: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của UBND cấp huyện, căn cứ dự toán ngân sách được giao, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển tiền cho UBND cấp xã để thực hiện việc hỗ trợ cho người dân.

- Bước 6: UBND cấp xã chi trả tiền hỗ trợ, thực hiện ký nhận và gửi chứng từ cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và quyết toán ngân sách cấp huyện theo quy định.

1.5. Một số lưu ý

- Việc hỗ trợ được thực hiện hàng tháng. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo.

- Trường hợp người dân không nhận hỗ trợ tháng này thì được nhận vào tháng kế tiếp. Trường hợp 06 tháng liên tiếp người dân không nhận hỗ trợ thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện bằng văn bản (*qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) để UBND cấp huyện ra Quyết định tạm dừng hỗ trợ. Trường hợp người dân đi khỏi nơi cư trú quá 06 tháng có lý do chính đáng (*đi học, chữa bệnh, thăm người thân*) thì được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh. Trường hợp người dân di chuyển khỏi nơi cư trú giữa các xã, phường, thị trấn trong cùng quận, huyện, thị xã thì UBND cấp huyện thay đổi nơi nhận hỗ trợ sang nơi cư trú mới và được truy lĩnh kinh phí của những tháng chưa lĩnh.

- Trường hợp người dân đi khỏi nơi cư trú quá 06 tháng do di chuyển nơi cư trú khác quận, huyện, thị xã; hoặc bị phạt án tù tại trại giam thì UBND cấp huyện ra Quyết định dừng hỗ trợ và hoàn trả ngân sách số tiền người dân chưa nhận.

- Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để UBND cấp huyện ra Quyết định dừng hỗ trợ, kể từ tháng tiếp theo sau tháng người được nhận hỗ trợ qua đời. Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời vào đầu tháng, trước ngày chi trả (*đã có tên trong danh sách nhưng chưa nhận hỗ trợ*) thì thân nhân (*nếu có*) nhận hỗ trợ; nếu không có thân nhân nhận hỗ trợ thì hoàn trả ngân sách số tiền người dân chưa nhận.

- Trường hợp người không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú thì thực hiện tại nơi sinh sống thực tế mà hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (*trên địa bàn Thành phố*).

2. Chính sách hỗ trợ về y tế

2.1. Đối tượng: Thành viên hộ nghèo được UBND cấp xã ra Quyết định công nhận thoát nghèo (*thuộc diện thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo*); thành viên hộ cận nghèo được UBND cấp xã ra Quyết định công nhận thoát cận nghèo.

2.2. Mức hỗ trợ

- 100% mức đóng bảo hiểm y tế (*BHYT*) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

- Mã thẻ: GD; mức hưởng theo quy định của pháp luật.

2.3. Thời gian hưởng chính sách

Không quá 36 tháng kể từ tháng hộ được công nhận thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo.

2.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập danh

sách người thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ BHYT trên địa bàn và kèm theo Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH), BHYT (Mẫu TK1-TS) của đối tượng.

- Bước 2: Cán bộ làm công tác Lao động -Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ quản lý về BHYT, loại bỏ thẻ BHYT trùng để lập Danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; báo cáo UBND cấp xã gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) và Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS) của đối tượng cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện.

- Bước 3: Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội cấp huyện kiểm tra, xác nhận danh sách người đủ điều kiện hưởng BHYT, gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) kèm theo Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS) đến Bảo hiểm xã hội cấp huyện (kèm file dữ liệu). Trường hợp danh sách chưa hoàn thiện thì chuyển về UBND cấp xã để bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 4: Bảo hiểm xã hội cấp huyện in thẻ BHYT; Chuyển danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) đã xác nhận đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; chuyển thẻ BHYT về UBND cấp xã cùng với biên bản giao thẻ và danh sách cấp thẻ BHYT (Mẫu D10a-TS) để làm cơ sở thanh quyết toán.

- Bước 5: UBND cấp xã trả thẻ BHYT cho người dân.

2.5. Lưu ý

- UBND cấp xã lập danh sách tặng, giảm thẻ BHYT hàng tháng, khi có phát sinh.

- Khi giao nhận thẻ BHYT với cơ quan BHXH huyện phải ký Biên bản giao nhận thẻ BHYT theo đúng ngày giao nhận.

- Thanh quyết toán theo quy trình thanh toán BHYT đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

3.1. Đối tượng: Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (bao gồm tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, học sinh các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên); là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo (không phân biệt hộ thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo hay thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo).

3.2. Mức hỗ trợ: Theo đúng quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.

3.3. Thời gian hưởng chính sách: Không quá 03 năm học kể từ tháng hộ được công nhận thoát nghèo.

3.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo của UBND cấp xã, trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố hướng dẫn học sinh viết Giấy đề nghị hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo từng kỳ học; lấy xác nhận của nhà trường và nộp cho cán bộ làm công tác Lao động- Thương binh và Xã hội cấp xã.

- Bước 2: Cơ sở giáo dục xác nhận vào Giấy đề nghị cho học sinh.

- Bước 3: Cán bộ làm công tác Lao động -Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin của học sinh với hồ sơ quản lý về hộ nghèo của xã, phường, thị trấn; lập danh sách học sinh thuộc diện hưởng chính sách, báo cáo UBND cấp xã gửi Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội.

- Bước 4: Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội rà soát, trình UBND cấp huyện ra Quyết định phê duyệt danh sách học sinh thuộc diện được hỗ trợ học phí và chi phí học tập.

- Bước 5: Căn cứ Quyết định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thông báo đến các hộ gia đình có học sinh thuộc diện được hưởng chính sách. Tùy điều kiện cụ thể, Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội cấp huyện chi trả, hoặc chuyển tiền để UBND cấp xã chi trả kinh phí hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập bằng tiền mặt cho cha mẹ (*hoặc người giám hộ*) của học sinh. Thanh quyết toán theo quy định của pháp luật.

3.5. Lưu ý

- Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì không được hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi học sinh đăng ký thường trú trong trường hợp học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Chi trả kinh phí hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập 2 lần trong năm (*tháng 12 và tháng 5 hàng năm*), đảm bảo học sinh nhận được kinh phí hỗ trợ của năm học trước khi kết thúc năm học. Trường hợp học sinh hoặc cha mẹ (*hoặc người giám hộ*) chưa nhận tiền hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

4. Một số lưu ý chung

- Không thực hiện chính sách đối với những hộ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực nhưng chưa có quyết định hưởng chính sách theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của HĐND Thành phố.

- Người đang hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng theo các Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND và 04/2019/NQ-HĐND, nếu không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2022-2025 thì không thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng của Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND.

- Không được yêu cầu công dân nộp thêm giấy tờ khác ngoài những giấy tờ theo Hướng dẫn này.

- Người đang hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố được tiếp tục hưởng chính sách đến hết thời gian hỗ trợ theo quy định; mức hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND.

- Đối tượng chỉ hưởng 01 chính sách hỗ trợ hàng tháng; trường hợp thuộc diện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ, trợ cấp, trợ giúp hàng tháng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất, do đối tượng tự lựa chọn. Đối tượng thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng thì được hưởng đồng thời chính sách hỗ trợ y tế và chính sách hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều 3, Điều 4 của Nghị quyết nêu đủ điều kiện.

- Công khai danh sách người được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tại trụ sở UBND cấp xã hoặc trên trang thông tin điện tử của UBND cấp xã, UBND cấp huyện.

V. NGUỒN KINH PHÍ

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Thực hiện rà soát, lập danh sách người thuộc diện hưởng chính sách theo quy định. Rà soát, lập danh sách những người không còn đủ điều kiện hưởng chính sách để báo cáo UBND cấp huyện ra Quyết định dừng hỗ trợ.

- Tổ chức xét duyệt, chi trả hỗ trợ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, công khai, minh bạch.

- Lập dự toán hàng năm gửi Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội để tổng hợp gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách. Thanh quyết toán đối với nội dung chi được giao theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Hướng dẫn này, đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Không được quy định thủ tục giấy tờ gây phiền hà cho dân.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc: xác nhận cho học sinh đảm bảo đúng quy định; thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động -Thương binh và

Xã hội cấp huyện nơi học sinh đăng ký thường trú khi học sinh thuộc diện hưởng chính sách bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Quyết định giao dự toán ngân sách để thực hiện chính sách theo quy định. Tổ chức quyết toán kinh phí thực hiện chính sách và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định, trả lời thắc mắc kiến nghị của công dân.

- Ra quyết định dừng hỗ trợ đối với đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định của Nghị quyết.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Lao động -Thương binh và Xã hội để phối hợp các đơn vị liên quan giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để BC);
- Các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; (phối hợp chỉ đạo)
- BHXH Thành phố;
- Giám đốc sở;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Phòng Lao động-TB&XH các quận, huyện, thị xã;
- Lưu VT, BTEXH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thành Thái

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU, MẪU THAM KHẢO

(Kèm theo Hướng dẫn số của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Giấy đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng
2. Danh sách người đủ điều kiện đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng
3. Giấy đề nghị hỗ trợ học phí / hỗ trợ chi phí học tập
4. Mẫu tham khảo Quyết định phê duyệt danh sách người/ học sinh được hỗ trợ
5. Mẫu danh sách kèm theo Quyết định
6. Tờ khai TK1-TS
7. Mẫu D03-TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HÀNG THÁNG
(Theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xãhuyện

Họ và tên người đề nghị:

Nơi đăng ký thường trú:

Nơi sinh sống thực tế:

Hiện thuộc diện hộ

Nghèo

Cận nghèo

Thoát nghèo

Thoát cận nghèo

Theo chuẩn giai đoạn 2022-2025, năm 20..... của xã huyện ,
thành phố Hà Nội.

Những thành viên trong hộ:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quan hệ với chủ hộ</i>	<i>Tình trạng sức khỏe, học tập tình trạng lao động, việc làm</i>
			Chủ hộ	

Đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng theo quy định của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội./.

Ngày tháng năm.....

Người viết giấy

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng
 theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội

<i>TT Hộ</i>	<i>TT người</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tình trạng sức khỏe, học tập tình trạng lao động, việc làm</i>
1	1		(Tên người hưởng chính sách)			
	2		(Tên người hưởng chính sách)			
2	1					
3	1					
	2					
	Cộng	Số hộ:	Số người:			

Ngày tháng năm

Người lập danh sách

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP***(Theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội)*

Kính gửi: Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã

.....

Họ và tên học sinh:.....

Họ và tên chủ hộ:.....

Đăng ký thường trú:.....

Là học sinh lớptrường

Thuộc diện hộ thoát nghèo từ tháng năm của xã
huyện, thành phố Hà Nội.

Đề nghị được hưởng chính sách: Hỗ trợ học phí

Hỗ trợ chi phí học tập

theo quy định tại Nghị quyết số 17/2021//NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

Ngày tháng năm.....

Người viết giấy

Trường:

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp

Kỳ Năm học:

Số tháng học trực tiếp.....

Số tháng học trực tuyến.....

....., ngày tháng.... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh sách đối tượng được hưởng chính sách
theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/09/2021 của UBND Thành phố về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách(người/ học sinh)
Được hưởng chính sáchtheo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Thời gian (hỗ trợ hàng tháng/ hỗ trợ học phí/hỗ trợ chi phí học tập) kể từ

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND; chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....

- Lưu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

I. Áp dụng đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH do cơ quan BHXH cấp

- [01]. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):.....[02].Giới tính:.....
 [03]. Ngày, tháng, năm sinh: / / [04]. Quốc tịch:.....
 [05]. Dân tộc:..... [06]. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....
 [07]. Điện thoại: [08]. Email (nếu có):.....
 [09]. Nơi đăng ký khai sinh: [09.1]. Xã:.....[09.2]. Huyện:.....[09.3]. Tỉnh:.....
 [10]. Họ tên cha/mẹ/giám hộ (*đối với trẻ em dưới 6 tuổi*):
 [11]. Địa chỉ nhận kết quả: [11.1]. Số nhà, đường/phố, thôn/xóm:.....
 [11.2]. Xã:.....[11.3]. Huyện:.....[11.4]. Tỉnh:.....
 [12]. Kê khai Phụ lục Thành viên hộ gia đình (phụ lục kèm theo) đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH và người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng.

II. Áp dụng đối với người tham gia đã có mã số BHXH đề nghị đăng ký, điều chỉnh thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT

- [13]. Mã số BHXH:.....[14]. Điều chỉnh thông tin cá nhân:
 [14.1]. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):.....[14.2]. Giới tính:.....
 [14.3]. Ngày, tháng, năm sinh: / / [14.4]. Nơi đăng ký khai sinh: Xã.....Huyện:Tỉnh:.....
 [14.5]. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....
 [15]. Mức tiền đóng: [16]. Phương thức đóng:
 [17]. Nơi đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu:
 [18]. Nội dung thay đổi, yêu cầu khác:

 [19]. Hồ sơ kèm theo (*nếu có*):

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

....., ngày...tháng ...năm...

Người kê khai

.....

Phụ lục Thành viên hộ gia đình

(Áp dụng đối với: Người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH; Người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng;
Trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện cấp thẻ BHYT liên thông dữ liệu với Bộ Tư pháp)

Họ và tên chủ hộ: Số sổ hộ khẩu (Số sổ tạm trú):.....

Mã số hộ gia đình: Điện thoại liên hệ:.....

Địa chỉ theo sổ hộ khẩu (sổ tạm trú): Số nhà, đường phố, tập thể:.....

Thôn (bản, tổ dân phố): Xã (phường, thị trấn):.....

Huyện (quận, Tx, Tp thuộc tỉnh): Tỉnh (Tp thuộc Trung ương):.....

Bảng thông tin thành viên hộ gia đình:

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi đăng ký khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9

....., ngày tháng năm

Người kê khai

Tên đơn vị/Đ.Lý:

Mã đơn vị/Đ.Lý:MS thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Đối tượng tham gia

DANH SÁCH NGƯỜI CHỈ THAM GIA BHYT

Số:..... tháng năm

Mã đối tượng

Lương cơ sở: đồng

Nguồn đóng:

Tỷ lệ NSNN hỗ trợ theo quy định%

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Nơi đăng ký KCB ban đầu	Ngày biên lai	Tiền lương hưu, trợ cấp TN, TS, ...	Hỗ trợ thêm		Thời gian tham gia		Ghi chú
									NSDP	Khác	Từ tháng	Số tháng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Tăng												
I.1	Người tham gia												
I.2	Tiền lương												
	Cộng tăng												
II	Giảm												
II.1	Người tham gia												
II.2	Tiền lương												
	Cộng giảm												

Tổng số thẻ BHYT đề nghị cấp:

....., ngàytháng.....năm.....

Cơ quan LĐTĐBXH, UBND xã/Đại lý thu/nhà trường

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)